

Số: /2020/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày

12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, cơ quan Thuế các cấp và các cơ quan khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên.

Điều 3. Giá tính thuế tài nguyên

1. Giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lai Châu được thực hiện theo các bảng giá ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Giá tính thuế tài nguyên tại khoản 1 điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên tại khoản 1 điều này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm, căn cứ tình hình biến động về giá các loại tài nguyên phổ biến trên thị trường so với Bảng giá tính thuế tài nguyên và phát sinh loại tài nguyên mới chưa quy định trong bảng giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức khảo sát và lập phương án điều chỉnh giá, bổ sung vào bảng giá tính thuế tài nguyên trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh kê khai và nộp thuế theo đúng quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện thành phố hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa

bàn tỉnh tỉnh thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên theo quy định tại quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư Pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường Trực Tỉnh uỷ;
- Thường Trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Như Điều 5;
- Báo Lai Châu, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, Kt3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Tiến Dũng